TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 06- 12 -2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thận

2. Bà Trần Thị Chín

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 144/2024/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2024/QĐXX - ST ngày 22 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Vàng A, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu A, thị trấn ĐB, huyện C, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Anh Phan Xuân H, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã D, huyện E, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Vàng A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vàng A và anh Phan Xuân H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Phước vào ngày 23/11/2018. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng chung sống bình thường. Tuy nhiên, từ tháng 8/2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái và kinh tế nên từ tháng 8/2023 tới nay anh H và chị A đã sống ly thân. Nay chị Vàng A nhận thấy mâu thuẫn giữa chị

A và anh H ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; do đó, chị Vàng A đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Vàng A và anh H có 01 con chung là cháu Phan Nhật H, sinh ngày 02/06/2019. Khi ly hôn chị Vàng A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H cho đến khi cháu thành niên.

Về vấn đề cấp dưỡng: Chị Vàng A yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu H với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H thành niên.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu Tòa án cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Vàng A tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Phước vào ngày 23/11/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, nhưng từ cuối năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế; đến giữa năm 2023 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên đã sống ly thân cho tới nay. Nay chị Vàng A xin ly hôn thì anh H đồng ý.

Về con chung: Anh H và chị Vàng A 01 con chung là cháu Phan Nhật H, sinh ngày 02/06/2019. Khi ly hôn anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H cho đến khi cháu thành niên.

Về vấn đề cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu chị Vàng A cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên trong trường hợp Tòa án quyết định giao cháu H cho chị Vàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì anh H đồng ý cấp dưỡng cho cháu H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H thành niên.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu Tòa án cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Vàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, về vấn đề cấp dưỡng yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H thành niên với phương thức cấp dưỡng hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/12/2024.

Anh H đồng ý ly hôn với chị Vàng A nhưng không đồng ý giao con chung là cháu H cho chị Vàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng mà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu H thành niên. Trường hợp Tòa án quyết định giao cháu H cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì anh H đồng ý cấp dưỡng cho cháu H mỗi tháng 2.000.000 đồng với phương thức cấp dưỡng hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/12/2024.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Vàng A; về con chung: Giao cháu Phan Nhật H, sinh ngày 02/06/2019 cho chị Nguyễn Thị Vàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; về vấn đề cấp dưỡng: Buộc anh Phan Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Nhật H, sinh ngày 02/06/2019 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, phương

thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 10/12/2024; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét; về án phí: Nguyên đơn chị Vàng A và bị đơn anh H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Vàng A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phan Xuân H. Mặc dù hiện nay bị đơn đang cư trú tại xã Long Hà, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, anh H và chị Vàng A đều yêu cầu giải quyết tranh chấp tại Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn là Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vàng A và anh Phan Xuân H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với Trích lục kết hôn số 172 ngày 21/6/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phong đã được chị A cung cấp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh H là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Chị A và anh H đều thống nhất thời gian đầu sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống bình thường với nhau. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng quan điểm về kinh tế và chăm sóc con cái. Chị A và anh H không chung sống cùng nhau từ giữa năm 2023 cho đến nay và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa; tại phiên tòa chị Vàng A xác định không còn tình cảm với anh H nữa. Anh H cũng đồng ý yêu cầu ly hôn của chị A. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh H là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng ly hôn của chị Vàng A.

[4] Về con chung: Chị Vàng A và anh H có 01 con chung là cháu Phan Nhật H, sinh ngày 02/06/2019. Quá trình giải quyết vụ án, chị Vàng A và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Theo tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn và bị đơn cung cấp thì cả chị Vàng A và anh H đều có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, hiện nay cháu H đang còn nhỏ, là con gái nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ; hơn nữa từ trước đến nay cháu H đều do chị Vàng A trực tiếp chăm sóc, cháu đang học tại trường mầm non Họa Mi tại thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu H nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Vàng A, giao cháu H cho chị Vàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H thành niên.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng: Chị Vàng A yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu H số tiền 2.000.000 đồng/01tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/12/2024. Anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu H số tiền 2.000.000 đồng/01 tháng theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng theo yêu

cầu của chị Vàng A trong trường hợp Tòa án tuyên giao cháu H cho chị Vàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó cần ghi nhận sự tự nguyện này của anh H.

[6] Về tài sản chung: Chị Vàng A và anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Vàng A và anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn chị Vàng A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh H phải chịu 300.000 án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

[9] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Vàng A về việc ly hôn. Chị Vàng A được ly hôn với anh Phan Xuân H.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Nhật H, sinh ngày 02/06/2019 cho chị Nguyễn Thị Vàng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom **c**on của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phan Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Nhật H, sinh ngày 02/06/2019 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 10/12/2024.

4. Về tài sản chung: Chị A và anh H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị A và anh H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vàng A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà đã

nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009353 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Anh Phạm Xuân Hinh phải nộp 300.000 đồng tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- UBND thị trấn Đức Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào